

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TIỀN LỤC

DANH SÁCH CHỦ SỬ DỤNG VÀ CÁC THỪA ĐẤT DỰ KIẾN THU HỒI

Để thực hiện dự án: Đường kết nối từ ĐT. 292 qua Khu công nghiệp An Hà, huyện Lạng Giang đến đường vành đai Đông Bắc, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Địa điểm thực hiện: Thôn Bãi Cả Đồng Kim và thôn Giếng, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Tiên Lục)

STT	Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất (thôn, xóm)	Thông tin trước sát nhập		Thông tin sau sát nhập		Diện tích hiện trạng (m ²)	Diện tích dự kiến thu hồi (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Ký hiệu loại đất	Ghi Chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Số thửa	Số tờ bản đồ					
	Tổng						11.232,2	3.606,1	7.626,1		
1	Trần Văn Lập, con dâu là Nguyễn Thị Hương	Bãi Cả Đồng Kim	224	69	224	334	386,8	48,9	337,9	LUC	
2	Đoàn Văn Đạt, cháu là Đoàn Văn Khải	Bãi Cả Đồng Kim	248	69	248	334	355,5	7,5	348,0	LUC	
3	Chu Văn Lương, vợ là Nguyễn Thị Linh	Bãi Cả Đồng Kim	249	69	249	334	507,4	28,4	479,0	LUC	
4	Thân Văn Thắng	Bãi Cả Đồng Kim	276	69	276	334	341,5	69,0	272,5	LUC	
			79	75	79	340	241,0	34,3	206,7	LUC	
5	Trần Văn Luận	Bãi Cả Đồng Kim	287	69	287	334	339,2	217,0	122,2	LUC	
6	Nguyễn Xuân Thắng	Bãi Cả Đồng Kim	298	69	298	334	582,8	1,6	581,2	LUC	
7	Nguyễn Đình Chiến	Bãi Cả Đồng Kim	299	69	299	334	365,1	277,3	87,8	LUC	
8	Hoàng Viết Đô, con trai là Hoàng Viết Khoa	Bãi Cả Đồng Kim	321	69	321	334	587,4	156,4	431,0	LUC	
9	Hoàng Viết Hợi	Bãi Cả Đồng Kim	340	69	340	334	389,7	55,8	333,9	LUC	
10	Hoàng Viết Thứ, cô là Hoàng Thị Mười	Bãi Cả Đồng Kim	342	69	342	334	440,1	334,7	105,4	LUC	
11	Nguyễn Đình Ngọc, cháu là Vũ Thị Ngọc	Bãi Cả Đồng Kim	214	69	214	334	712,4	75,5	636,9	LUC	
12	Chu Văn Cốc	Bãi Cả Đồng Kim	215	69	215	334	561,2	12,9	548,3	LUC	
13	Đào Văn Liệu	Bãi Cả Đồng Kim	347	69	347	334	46,9	46,9	0,0	LUC	
			341	69	341	334	121,6	121,6	0,0	MNC	
			344	69	344	334	327,0	2,1	324,9	LUC	
14	Nguyễn Văn Nghị, con trai là Nguyễn Văn Lục	Bãi Cả Đồng Kim	262	69	262	334	978,1	183,0	795,1	LUC	
			300	69	300	334	48,9	48,9	0,0	BHK	
			301	69	301	334	143,4	87,5	55,9	BHK	
			322	69	322	334	269,4	191,0	78,4	BHK	
			77	75	77	340	63,5	63,5	0,0	LUC	
			23	75	23	340	101,9	101,9	0,0	LUC	
15	Lê Văn Hàm	Giếng	20	75	20	340	207,0	28,1	178,9	LUC	
			45	75	45	340	313,7	51,6	262,1	LUC	
16	Trần Văn Trường	Giếng	21	75	21	340	335,9	134,3	201,6	LUC	
17	Trần Văn Dũng	Giếng	22	75	22	340	129,0	129,0	0,0	LUC	
18	Lê Văn Giang	Giếng	26	75	26	340	127,3	44,8	82,5	LUC	
19	Lê Văn Thức	Giếng	44	75	44	340	48,0	39,1	8,9	LUC	
			213	75	213	340	91,5	91,5	0,0	LUC	
20	Lê Văn Trung, vợ là Chu Thị Tu	Giếng	46	75	46	340	222,3	78,4	143,9	LUC	
21	Lê Văn Diễm, con trai là Lê Văn Nghị	Giếng	47	75	47	340	187,0	166,1	20,9	LUC	
22	Lê Văn Biên	Giếng	48	75	48	340	126,4	22,4	104,0	LUC	
23	Lê Văn Tào	Giếng	76	75	76	340	267,4	65,0	202,4	LUC	

24	Lê Văn Thành, vợ là Trần Thị Thanh	Giếng	78	75	78	340	264,4	259,7	4,7	LUC	
25	Lê Văn Văn, vợ là Trần Thị Tĩnh	Giếng	101	75	101	340	242,5	1,3	241,2	LUC	
26	Lê Văn Nguyệt, vợ là Nguyễn Thị Minh	Giếng	102	75	102	340	323,0	35,7	287,3	LUC	
27	Lê Văn Huỳnh, vợ là Trần Thị Lộc	Giếng	103	75	103	340	289,7	232,0	57,7	LUC	
28	UBND xã	Giếng	25	75	25	340	31,4	14,2	17,2	LUC	
		Bãi Cà Đồng Kim	24	75	24	340	24,4	11,8	12,6	LUC	
		Bãi Cà Đồng Kim	343	69	343	334	24,4	4,1	20,3	DGT	
		Bãi Cà Đồng Kim	288	69	288	334	24,3	24,3	0,0	DGT	
		Bãi Cà Đồng Kim	225	69	225	334	41,8	7,0	34,8	DGT	